

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục 10 thủ tục hành chính thực hiện tái cấu trúc quy trình năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11 tháng 7 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 20-KH/BCĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động 100 ngày triển khai thực hiện nhiệm vụ xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch Hành động 100 ngày triển khai thực hiện nhiệm vụ xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính thực hiện tái cấu trúc quy trình năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tư pháp; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, đặc khu, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tái cấu trúc quy trình theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số, bảo đảm người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

b) Căn cứ kết quả tái cấu trúc quy trình, các đơn vị thực hiện kiểm thử thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ hoặc của tỉnh (nếu có), Cổng Dịch vụ công quốc gia và đánh giá hiệu quả thực hiện.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh qua Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; thường xuyên rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Các Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc VP;
- Lưu: VT, nstudy, HT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

PHỤ LỤC**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 4111 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1	2.001583	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
2	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy nội địa
3	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ

II. CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
1	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch
2	1.000894	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch
3	1.001193	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch
4	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)
5	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)
6	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội
7	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai